

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIỜ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/05/2025

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIỜ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diễm Châu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Bạch Tuyết
2. Ông Hồ Bạch Long

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 05 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 37/2025/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 04 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thụy Hoài T năm 2001; Địa chỉ: B ấp Đ, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Công H năm 1992; Địa chỉ: B ấp Đ, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn xin ly hôn đề ngày 03/02/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Thụy H1 T trình bày:*

Bà Đoàn Thụy H1 T và ông Đoàn Công H2 tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 10/9/2020. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp, ông H3 T hay cờ bạc gây nợ nần, bà T1 nhiều lần tha thứ nhưng ông H4 không thay đổi. Bà T và ông H đã ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay hạnh phúc hôn nhân không đạt được, bà T3 ly hôn với ông H5

Về con chung: có 01 con chung là Đoàn Công H1 sinh ngày 27/3/2021. Hiện nay cháu H1 đang sống cùng ông H6 gia đình bên nội, do đó bà đồng ý giao trẻ H1 cho ông H7 tiếp nuôi, bà tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T4 không có.

- *Bị đơn ông Đoàn Công H2*: Toà án đã triệu tập và tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông H8 mặt suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Đoàn Thụy H1 T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà T5 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Đoàn Công H8 mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Đoàn Thụy H1 T đã chấp hành đúng quy định pháp luật; ông Đoàn Công H2 không chấp hành nghĩa vụ theo quy định, mặc dù Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông H8 mặt suốt quá trình hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa mà không có lý do; bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: xét yêu cầu của bà T là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T6

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Bà Đoàn Thụy H1 T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Đoàn Công H2, nơi cư trú tại 2 ấp Đ, xã L, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của đương sự*:

Xét Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn ông Đoàn Công H9 tham gia phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm nhưng ông H4 cố tình vắng mặt không lý do nên không tiến hành hòa giải được và vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt bị đơn; bà T7 đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*:

Căn cứ vào lời khai của bà Đoàn Thụy H1 T và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: Bà T và ông H có đăng ký kết hôn và có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chung sống với nhau không hạnh phúc nên giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bà T và ông H hiện nay đã ly thân.

Xét thấy bà T và ông H10 còn tình cảm vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Đồng thời Tòa án đã tiến hành triệu tập ông H9 tham gia phiên hòa giải nhằm giải quyết mâu thuẫn gia đình để các bên hàn gắn

nhưng ông H không đến hòa giải, cho thấy ông H không còn tha thiết với cuộc sống chung, từ bỏ cuộc hôn nhân với bà THội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa bà T và ông H11 trầm trọng, đời sống chung đã thực sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của bà T8 phù hợp và có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: có 01 con chung là Đoàn Công H1sinh ngày 27/3/2021. Xét thấy hiện nay Đoàn Công H1 đang sống cùng ông H ổn định, bà thu tự nguyện giao con cho ông H7 tiếp nuôi dưỡng. Nhằm ổn định cuộc sống cho trẻ Đoàn Công H12 nên tiếp tục để ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà Đoàn Thụy T9 H2được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con trẻ, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của Đoàn Thụy H1 T cấp dưỡng cho con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi Đoàn C H1đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà T khai không có.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giờ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51 , Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ vào các điều 2, 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thụy H1 T đối với ông Đoàn Công H2

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thụy H1 T được ly hôn với ông Đoàn Công H2 (Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 04/07/2016 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, Thành phố H còn giá trị pháp lý).

2. Về nuôi con chung: Giao trẻ Đoàn Công H1sinh ngày 27/3/2021 cho ông Đoàn Công H2 trực tiếp nuôi.

Bà Đoàn Thụy H1 T không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được ngăn cản bà T thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ chưa thành niên, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đoàn Thụy H1 T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho trẻ Đoàn Công H1 mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Hai bên giao nhận tiền vào ngày 01 dương lịch hàng tháng. Bắt đầu thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi phát sinh điều kiện chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày ông Đoàn Công H13 đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp bà T10 thực hiện việc cấp dưỡng cho con thì bà T còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Đoàn Thụy H1 T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, án phí cấp dưỡng cho con là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0035137 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giờ. Bà T phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

7. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Cần Giờ;
- THADS huyện Cần Giờ;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Diễm Châu